

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 20/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa Ông Hồ Văn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dương
2. Ông Hồ Văn Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2020/TLST- HS ngày 26 /11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 07/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn H (Tên gọi khác: Quỳnh H), sinh ngày 01-01-1981 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): không học; Dân tộc: Cơ Tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Quỳnh PR, (Konh PR, Quỳnh PR), sinh năm 1937 (Đã chết) và bà Kăn PR, sinh năm 1947; Vợ là Hồ Thị Nh, sinh 1980 và có 03 người con, con nhỏ nhất 12 tuổi; Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con út; Theo lý lịch và danh chỉ bản bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo không bị giam, giữ; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Ngọc L (Tên gọi khác: Hồ Văn L), sinh ngày 30-12-1997 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Cơ Tu; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn D (Hồ Xuân D), sinh năm 1972 (Đã chết) và bà Hồ Thị Th, sinh năm 1976; Vợ là Lê Thị S, sinh năm 2000 và có 01 người con 03 tuổi; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Theo lý lịch và

danh chỉ bản bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo không bị giam, giữ; Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa*: Ông Nguyễn Văn Ch – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế, bào chữa cho bị cáo Hồ Văn H và Hồ Ngọc L, vắng mặt.

* *Nguyên đơn dân sự*: Ban quản lý rừng phòng hộ A L: Ông Lê Nhữ Th, sinh năm 1977 là người đại diện theo ủy quyền.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Hồ Thị Nh, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn K, xã L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế.

* *Người giám định*: Ông Lê H - Tổ trưởng tổ giám định tư pháp lâm nghiệp; Nơi công tác: Trung tâm Quy hoạch và thiết kế Nông lâm nghiệp, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

* *Người định giá tài sản*: Ông Nguyễn Xuân V – Chủ tịch Hội đồng; Nơi công tác: Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện A L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/5/2020 H đến nhà của L, nhờ L phụ giúp đi cưa gỗ cho H làm nhà. L đồng ý. Sáng ngày 01/6/2020, H và L xuất phát từ nhà của H để vào rừng; khoảng 08 giờ cùng ngày thì hai bị cáo đến vị trí cây gỗ ở tọa độ X: 540373, Y: 1784999, Lô 2, khoảnh 8, tiểu khu 356, thuộc xã L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế là khu rừng có chức năng phòng hộ, do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L quản lý. L phát quang xung quanh cây gỗ để cho thuận lợi cưa hạ, còn H lắp ráp máy cưa và tiến hành cưa hạ cây gỗ. Sau khi cưa đổ cây xong, H và L về nghỉ trưa tại khe Cha Đu cách đó khoảng 100m. Đến 13 giờ 30 phút cùng ngày thì hai bị cáo tiếp tục lên cưa cắt phần thân cây, phát cành, cho đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì trời mưa to nên cả hai cùng về nghỉ tại khe Cha Đu. Sáng ngày 02/6/2020 H và L tiếp tục lên cưa xẻ cây gỗ. L kéo mực, bấm chỉ vào thân cây gỗ làm dấu, H là người thay lam cưa, đồ xăng vào máy, sau đó H dùng máy cắt thân cây và cưa rọc gỗ ra phách theo dấu mực đã được L kẻ chỉ. Mới cưa được 02 phách, đến phách thứ 03 thì bị tổ tuần tra của Ban quản lý rừng phòng hộ phát hiện và yêu cầu dừng mọi hoạt động, lập biên bản, ghi lại hình ảnh hiện trường vào USB và tạm giữ vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra Hồ Văn H và Hồ Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, lời khai của hai bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 12/6/2020 Hạt Kiểm lâm huyện A L đã có quyết định số 10/QĐ-HKL “Trung cầu tổ Giám định tư pháp lâm nghiệp của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế”. Tại bản Kết luận giám định ngày 23/06/2020 đã kết luận về đối tượng giám định, xác định cây bị cưa hạ trái phép là cây gỗ Chò Nâu tên khoa học (*Dipterocarpus retusus*) thuộc gỗ nhóm VI, có khối lượng gỗ tròn (Phần thân) là 27,171m³.

Ngày 25/6/2020 Hạt Kiểm lâm huyện A L đã có quyết định yêu cầu định giá tài sản số 13/HKL-YC Trung cầu Hội đồng huyện A L định giá 01 cây gỗ Chò nâu số lượng 02 lóng; khối lượng 27,171 m³ bị khai thác trái pháp luật. Tại bản kết luận định giá số: 20/KLĐG-HĐ ngày 28/06/2020 của Hội đồng định giá huyện A Lưới, xác định giá 01 cây gỗ Chò nâu số lượng 02 lóng; khối lượng 27,171 m³ giá tiền: 192.240.000đồng.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A Lưới đã tạm giữ các tài liệu, đồ vật sau:

- + 01 máy cưa xăng, không rõ nhãn hiệu, số máy HH 1804Y16946, thân máy có màu đỏ và trắng, tình trạng máy cũ;
- + 01 xích cưa dài 80 cm; 01 lam cưa dài 80 cm;
- + 01 lam cưa dài 1,375m;

Do 02 khúc gỗ có khối lượng lớn không vận chuyển về được đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L quản lý, bảo quản.

Cáo trạng số 11/CT-VKSH-AL ngày 24/11/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Hồ Văn H và Hồ Ngọc L về tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 2, khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét H và L đều là con em dân tộc ít người, ở vùng kinh tế khó khăn, ít hiểu biết pháp luật lại khai thác gỗ cũng chỉ để có nhu cầu làm nhà ở; hai bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, có nhân thân tốt. Hữu đã nộp tiền khắc phục hậu quả 1.500.000đ, áp dụng điểm d

khoản 2 Điều 232, các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Hồ Văn H 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm đến 5 năm. Hồ Ngọc L cũng chỉ vì tình cảm xóm làng giúp đỡ H mà vi phạm pháp luật, không có lợi ích gì nhưng đã nộp tiền khắc phục hậu quả 1.000.000đ. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 54, 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Hồ Ngọc L 2 năm đến 2 năm 3 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm đến 4 năm 6 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung khoản 4 Điều 232 đối với hai bị cáo.

Về dân sự: Hồ Văn H và Hồ Ngọc L liên đới bồi thường giá trị cây gỗ cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L là 192.240.000 đồng.

Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo H và bà Nhâm 01 máy cưa xăng, không rõ nhãn hiệu, số máy HH 1804Y16946, thân máy có màu đỏ và trắng, tình trạng máy cũ; 01 xích cưa dài 80 cm; 01 lam cưa dài 80 cm và 01 lam cưa dài 1,375m.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Nh: Máy cưa gỗ là tiền chung của vợ chồng, hai người mua máy cưa gỗ HH 1804Y16946 là để đi cưa củi, gỗ Keo, Tràm thuê mướn cho dân địa phương, chồng chị đem đi cưa gỗ trái phép chị không biết, đề nghị xin lại.

Ý kiến của người đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ A L: Yêu cầu hai bị cáo liên đới bồi thường số tiền 192.240.000 đồng. Đề nghị Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Tổ trưởng tổ giám định, khẳng định khối lượng cây gỗ Chò nâu bị cưa hạ là 27,171m³ theo thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT, tổ giám định đã đo khối lượng gỗ tại hiện trường có khác với ban đầu do cán bộ tổ tuần tra đo là có sai số trong phạm vi cho phép.

Trợ giúp viên bào chữa cho hai bị cáo vắng mặt có lý do, đã gửi đến Hội đồng xét xử Bản luận cứ: Công nhận tội danh của hai bị cáo, đề nghị áp dụng điểm d khoản 2, Điều 232, cùng các tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm b,s và điểm m là “phạm tội do lạc hậu”, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H được hưởng án treo; áp dụng điểm d khoản 2, Điều 232, cùng các tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L được hưởng án treo ở mức thấp nhất.

Kết thúc tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng đã, ăn năn hối hận việc làm sai trái và mong được giảm nhẹ hình phạt, không cách ly khỏi xã hội, làm ăn lương thiện trở thành công dân tốt, để có tiền bồi thường.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng của cơ quan điều tra và Điều tra viên Công an huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế trong quá trình, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc xác minh, thu thập vật chứng đúng trình tự, khách quan; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người định giá tài sản và người bào chữa cho hai bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có lý do, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Người bào chữa cho hai bị cáo vắng mặt đã gửi Bản luận cứ. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng hôm nay đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng căn cứ khoản 2 Điều 294 Bộ Luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về chứng cứ buộc tội: Lời nhận tội của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có trong hồ sơ; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các vật chứng thu giữ đã có đủ cơ sở để kết luận: Do có ý định khai thác gỗ về làm nhà nên từ ngày 27/5/2020 bị cáo H đã đặt vấn đề nhờ L phụ giúp cưa gỗ, được L đồng ý nên ngày 30/5/2020 H và L đã chuẩn bị công cụ phạm tội; sáng ngày 01/6/2020 Hồ Văn H và Hồ Ngọc L tiến hành cưa hạ trái phép cây Chò nâu gỗ thuộc nhóm VI, có khối lượng gỗ tròn (Phần thân) là 27,171m³ tại Lô 2, khoảnh 8, tiểu khu 356, thuộc xã L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, do Ban quản lý rừng phòng hộ A L quản lý. Tổng trị giá cây gỗ bị thiệt hại do Hồ Văn H và Hồ Ngọc L gây ra là: 192.240.000đồng.

[4] Về tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Bị cáo H và bị cáo L có chung ý chí và hành động nên cùng đồng phạm nhưng mang tính chất đơn giản. Hành vi khai thác gỗ trái phép rừng tự nhiên của H và L đã vi phạm Điều 9 của Luật Lâm nghiệp. Thiệt hại do hành vi phạm tội của H và L gây nên là nghiêm trọng. Các bị cáo coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền quản lý, bảo vệ rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ A L, đồng thời góp phần tàn phá rừng, hủy hoại môi trường sinh thái, gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương, mà toàn dân chúng ta đang đấu tranh trong giai đoạn hiện nay. Nên đủ căn cứ kết luận Hồ Văn H và Hồ Ngọc L phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017, như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới truy tố là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật.

[5] Tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và L không phạm tình tiết tăng nặng. Về tình tiết giảm nhẹ: Mặc dù bị cáo H là người chủ mưu, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội và người thực hành tích cực, nhưng do đặc thù của người dân tộc ở vùng cao, ít am hiểu pháp luật; kinh tế gia đình khó khăn, khai thác rừng không xin phép là vi phạm pháp luật nhưng H đã nộp tiền khắc phục hậu quả 1.500.000đ là tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm b khoản 1 Điều 51 và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra H khai gia đình có công cách mạng nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Bị cáo L có trình độ học vấn, nhưng vì tình làng nghĩa xóm thấy bị cáo H đang cần gỗ để làm nhà, bị cáo đã đồng ý đi mua gỗ giúp bị cáo H mà không đòi hỏi tiền công, là người giúp sức có vai trò không đáng kể trong vụ án. Bị cáo L nộp 1.000.000đ để khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm b khoản 1 Điều 51 và thành khẩn khai báo ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cả hai bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, được người đại diện của nguyên đơn dân sự đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Hoàn cảnh của H khó khăn, vợ và mẹ đẻ đều bị mù lòa, chị gái bị bệnh tâm thần, H là người lao động chính trong gia đình, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo H. Không cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng trở thành người công dân tốt.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo H là phạm tội do lạc hậu.

[6] Hình phạt bổ sung: Gia đình các bị cáo quá khó khăn nên không phạt bổ sung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc hai bị cáo H và L liên đới bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L để sung công quỹ Nhà nước số tiền cây gỗ khai thác trái phép là 192.240.000đồng. Trong đó Hồ Văn H phải chịu 192.240.000đồng. Số tiền Hữu nộp 1.500.000đ và L đã nộp 1.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự được tạm giữ để trừ vào trong số tiền thiệt hại phải bồi thường. Sau này H có trách nhiệm hoàn trả lại cho L số tiền 1.000.000đ.

[8] Về vật chứng: 01 máy cưa xăng, không rõ nhãn hiệu, số máy HH 1804Y16946, thân máy có màu đỏ và trắng, tình trạng máy cũ; 01 xích cưa dài 80 cm; 01 lam cưa dài 80 cm và 01 lam cưa dài 1,375m là tài sản chung của vợ chồng, về nguyên tắc tịch thu sung công quỹ Nhà nước 1/2 (một nửa) nhưng do nhà nghèo, tài sản có giá trị không cao mà đây là công cụ lao động làm thuê, cưa Keo, Tràm hàng ngày nên trả lại cho bị cáo H và chị Hồ Thị Nh.

Do 02 khúc gỗ có khối lượng lớn không vận chuyển về được đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L quản lý bảo quản, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[9] Án phí: Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm của $189.740.000đ \times 5\% = 9.487.000đ$. Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Văn H và bị cáo Hồ Ngọc L phạm tội: Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Văn H **24** (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/01/2021.

Áp dụng điểm d khoản 2, Điều 232; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc L **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/01/2021 .

Giao bị cáo Hồ Văn H và bị cáo Hồ Ngọc L cho Ủy ban nhân dân xã L giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình hai bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về Bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc hai bị cáo H và L phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện A L số tiền 192.240.000 đồng. Hai bị cáo đã nộp để bồi thường 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm ngàn đồng*), hiện cơ quan Thi hành án dân sự huyện A Lưới đang quản lý được trừ vào số tiền phải bồi thường, buộc hai bị cáo phải bồi thường tiếp $192.240.000đ - 2.500.000đ = 189.740.000đ$ (Một trăm tám mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó Hồ Văn H phải bồi thường 189.740.000đ. Số tiền L đã nộp 1.000.000đ sau này Hồ Văn H có trách nhiệm hoàn trả lại cho L.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 02 khúc Chò nâu có khối lượng 27,171 m³;

- Trả lại cho Hồ Văn H và Hồ Thị Nh: 01 máy cưa xăng, không rõ nhãn hiệu, số máy HH 1804Y16946, thân máy có màu đỏ và trắng, tình trạng máy cũ; 01 xích cưa dài 80 cm; 01 lam cưa dài 80 cm; 01 lam cưa dài 1,375m (Theo biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 04/12/2020 giữa cán bộ điều tra với cán bộ thi hành án dân sự).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 21 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hồ Văn H phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 9.487.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Hồ Ngọc L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành

không đầy đủ khoản tiền bồi thường thì phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hai bị cáo có quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- Các bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ; NBC
- VKSND tỉnh TT Huế
- VKSND huyện A Lưới;
- CC Thi hành án dân sự huyện A Lưới;
- Công an huyện A Lưới;
- Sở Tư pháp TT Huế;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HSTHA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Vĩnh

